TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

B¶n ¸n sè: 54/2022/HNG§-ST
Ngµy 15-8-2022
V/v "Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Ong Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Bị đơn:*** *Anh Dương Văn Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 24/01/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Dương Văn Q kết hôn ngày 20/4/2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn. Ban đầu vợ chồng sống đã không hạnh phúc. Đến khoảng 4/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hai vợ chồng có cãi vã nhau và anh Q thỉnh thoảng

có đánh chị, gia đình hai bên đều biết và hòa giải nhưng anh Q không lên để hòa giải. Tháng 04/2022 chị đã cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn sinh sống. Từ đó thì hai vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Dương Thị Trà My, sinh ngày 17/02/2018 và Dương Quốc Anh, sinh ngày 21/10/2020. Hiện con chung cháu Trà My đang ở với bố còn cháu Quốc Anh đang ở với chị đều phát triển B thường. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung cháu Quốc Anh, còn để anh Q nuôi cháu Trà My. Chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện chị đang làm khu công nghiệp Quang Châu thu nhập trung B một tháng khoảng 7.000.000 đồng- 8.000.000 đồng. Thời gian làm việc từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều, được nghỉ chủ nhật. Chị về ở với bố mẹ đẻ có nhà đất, khi chị đi làm thì mẹ chị sẽ giúp chị đưa đón, chăm sóc cháu. Chị có đủ điều kiện và thời gian chăm sóc con chung. Anh Q đang làm tự do tại nhà, có thu nhập, có nhà đất của bố mẹ, khi anh Q đi làm có bố mẹ phụ giúp trông cháu, anh Q có đủ điều kiện nuôi dưỡng 01 con chung.

Tài sản chung, nghĩa vu chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với bị đơn anh Dương Văn Q là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc, xét xử của Tòa án anh Q đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh Q về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh Q không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Văn Q vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị B có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh Q vắng mặt chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Dương Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Quốc Anh, sinh ngày 21/10/2020. Giao cho anh Dương Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Thị Trà My, sinh ngày 17/02/2018. Chị B và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị B và anh Dương Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Văn Q có nơi cư trú: Thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị B vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B, anh Q.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị B và anh Q xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị B và anh Q ngay từ khi về ở với nhau đã không hạnh phúc, đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, hai vợ chồng cãi vã nhau , anh Q thỉnh thoảng có đánh chị, gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng anh Q không lên hòa giải. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị B xác định hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án tiến hành hòa giải thông báo cho anh Q biết nhưng anh Q cũng không lên để Tòa án hòa giải về quan hệ vợ chồng.

Mặt khác, tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị B, anh Q có mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, mâu thuẫn của chị B, anh Q đã được gia đình hai bên hòa giải và tổ hòa giải địa phương hòa giải nhưng không có kết quả, chị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Do vậy, xét mâu thuẫn của chị B và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 02 con chung là Dương Thị Trà My, sinh ngày 17/02/2018 và Dương Quốc Anh, sinh ngày 21/10/2020. Hiện

con chung cháu Trà My đang ở với anh Q còn cháu Quốc Anh đang ở với chị đều phát triển B thường. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung cháu Quốc Anh, còn để anh Q nuôi cháu Trà My, chị và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, chị B trình bày anh và anh Q đều có chỗ ăn ở, có thu nhập, có đủ thời gian và điều kiện để nuôi dưỡng 01 con chung. Theo xác minh tại địa phương thì hiện 02 con chung đang ở với chị B, anh Q, sức khỏe phát triển tốt. Chị B, anh Q đều có thu nhập, đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng các con tốt. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị B, anh Q mỗi người nuôi dưỡng một con chung và chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị B, giao chị B nuôi dưỡng con chung là cháu Quốc Anh, giao anh Q nuôi dưỡng con chung là cháu Trà My là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Quốc Anh, cháu Trà My. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị B và anh Dương Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Dương Văn Q.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Quốc Anh, sinh ngày 21/10/2020. Giao cho anh Dương Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Dương Thị Trà My, sinh ngày 17/02/2018. Chị B và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị B và anh Dương Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng

đã nộp tại biên lai thu số 0006387 ngày 17/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Tiên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân